TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2024/DS-PT
Ngày 11 - 11 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

***Các Thẩm phán*:** Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân xét xử vắng mặt kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2024/TLPT – DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ: Số A, đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982. (Có mặt)

Chức vụ: Nhân viên pháp lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ: Số I, N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông Nguyễn Chí V – Nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn A. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Hoàng M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Từ năm 2018, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (Gọi tắt là Công ty) có hợp tác với bị đơn Lê Hoàng M thực hiện chương trình Cánh đồng mơ ước. Nội dung hợp tác được thể hiện theo hợp đồng 996/2018/CAT, ngày 19/9/2018. Theo nội dung hợp đồng thì công ty đầu tư cho bị đơn một lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Công ty có trách nhiệm giao vật tư đến kho bị đơn, bị đơn nhận hàng và thanh toán lại tiền cho công ty khi đến hạn trên hóa đơn. Nếu thanh toán trước hạn thì được hưởng lãi suất 1,1%/tháng, nếu thanh toán trễ hạn thì phải chịu lãi suất 1,1%/tháng. Nếu quá hạn 06 tháng mà không thanh toán thì công ty có quyền khởi kiện để thu hồi nợ. Tháng 10/2020 hai bên tiến hành đối chiếu nợ, theo đó bị đơn xác nhận đến ngày 31/10/2020 còn nợ công ty 16.642.289 đồng. Bị đơn cam kết sẽ trả hàng tháng cho đến khi hết nợ nhưng

không thực hiện. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Lê Hoàng M có nghĩa vụ trả Công ty 16.642.289 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 1,1%/tháng. Đối với việc bị đơn yêu cầu Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả Công ty số tiền này thì phía Công ty không đồng ý vì bị đơn là người ký hợp đồng với Công ty nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Đối với việc bị đơn cho rằng Nguyễn Chí V là nhân viên Công ty có làm việc với bị đơn, vấn đề này là do trước đây có nhân viên khác của Công ty làm việc với bị đơn. Sau đó nhân viên này mới bàn giao cho Nguyễn Chí V làm việc với bị đơn chứ đây không phải là bàn giao công nợ như bị đơn trình bày.

Bị đơn bị đơn Lê Hoàng M trình bày: Bị đơn thừa nhận là vào năm 2018, bị đơn có ký hợp đồng hợp tác với Công ty A để mua vật tư nông nghiệp, theo đó bị đơn có trách nhiệm liên hệ với các hộ dân có nhu cầu mua vật tư thì bị đơn sẽ báo Công ty và Công ty sẽ cung cấp trực tiếp cho bị đơn. Trong quá trình mua bán thì ông Nguyễn Văn T có mua vật tư và nợ số tiền 15.398.200 đồng. Bị đơn nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền để bị đơn trả Công ty nhưng ông T không trả. Lúc này bị đơn có báo với ông C là nhân viên Công ty và có làm biên bản: Nội dung ông T cam kết trả nợ nhưng vẫn không trả, ông C thì chuyển công tác nơi khác. Sau thời gian phía Công ty cho nhân viên là ông P xuống cùng với bị đơn gặp ông T làm biên bản cam kết trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, sau đó ông T có trả được 2.000.000 đồng, ông T cam kết là sẽ trả cho ông P, phía bị đơn không còn liên quan. Năm 2022 Công ty có gởi công nợ cho bị đơn nhưng do không còn thiếu nợ nên bị đơn không ký. Năm 2023 Công ty cử người xuống cùng bị đơn gặp ông T để ký biên bản bàn giao nợ cho Công ty thu hồi từ ông T. Do bị đơn không còn nợ Công ty nên không đồng ý theo yêu cầu của Công ty mà trách nhiệm trả nợ cho Công ty thuộc về ông Nguyễn Văn T. Bị đơn chỉ biết các ông C, ông P và Nguyễn Chí V là do Công ty cho xuống làm việc với bị đơn. Về địa chỉ của những người này thì bị đơn không rõ.

Tại Bản án sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A: Buộc Lê Hoàng M có nghĩa vụ trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn A tổng số tiền 25.063.286 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm tám mươi sáu

đồng). Trong đó nợ gốc là 16.642.289 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi là 8.420.997 đồng (Tám triệu bốn trăm hai mươi ngàn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Thời gian trả nợ do Chi C1 Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố Lê Hoàng M: Về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Dành quyền khởi kiện cho Lê Hoàng M đối với ông Nguyễn Văn T thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và có chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 bị đơn ông Lê Hoàng M kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn và bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí V trình bày: Ông Lê Hoàng M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn A hợp tác mua bán, ông V không phải là nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp hợp tác với ông Lê Hoàng M nên không biết gì và không có liên quan đến vấn đề tranh chấp giữa hai bên. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa và phiên làm việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện bị đơn ông Lê Hoàng M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả Công ty 16.642.289 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 1,1%/tháng theo hợp đồng hợp tác số 966/2018/CAT ngày 19/9/2018 (Gọi tắt là Hợp đồng hợp tác). Theo thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác, nguyên đơn đầu tư và bị đơn đồng ý nhận đầu tư vật tư nông nghiệp bán lại cho nông dân để được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ hoạt động hợp tác. Bị đơn ông Lê Hoàng M có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Hậu Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt Kiểm sát viên*

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa vắng mặt. Xét thấy, Viện kiểm sát không có kháng nghị, căn cứ vào quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa.

[1.3] *Về thủ tục kháng cáo*

Ngày 19/8/2024 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn. Đến ngày 27/8/2024 bị đơn nhận được Bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo vào ngày 09 tháng 9 năm 2024 là đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bị đơn ông Lê Hoàng M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

[2.1] Xét việc xác lập và tính hiệu lực của Hợp đồng hợp tác số 966/2018/CAT ngày 19/9/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn: Theo Hợp đồng hợp tác, lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 19/9/2018 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bị đơn Lê Hoàng M có giao kết hợp đồng hợp tác số 996/2018/CAT. Hợp đồng được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 505 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, có căn cứ để xác định Hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn và bị đơn giao kết là có thật đồng thời đảm bảo về mặt nội dung và hình thức.

[2.2] *Xét kháng cáo của bị đơn đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi*

[2.2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc mua hàng chưa thanh toán tổng cộng 16.642.298 đồng theo "Sổ chi tiết đơn vị mua" do nguyên đơn cung cấp (Bút lục số 04). Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng hợp tác để mua hàng của nguyên đơn về bán lại cho ông Nguyễn Văn T nhưng ông T không trả tiền và còn nợ tổng cộng 15.398.200 đồng. Bị đơn kháng cáo không thừa nhận còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn và cho rằng đã bàn giao công nợ của ông Nguyễn Văn T cho nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A ông Nguyễn Chí V, nhưng không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh và ông Nguyễn Chí V cũng không thừa nhận. Mặt khác, tất cả các hóa đơn, chứng từ do nguyên đơn cung cấp đều thể hiện giao dịch trực tiếp với bị đơn. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc 16.642.289 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại khoản 3.3, Điều 3 của Hợp đồng hợp tác thể hiện nếu bị đơn thanh toán trước hạn cho nguyên đơn thì bị đơn được thưởng lãi suất 1,1%/(30 ngày) tính trên số tiền thanh toán trước hạn. Ngược lại, nếu bị đơn thanh toán trễ hạn thì phải chịu mức lãi suất 1,1%/(30 ngày) tính trên số tiền thanh toán trễ hạn. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính lãi suất là có căn cứ.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/8/2024 là không phù hợp. Bởi lẽ, tại khoản 3.2, Điều 3 của Hợp đồng hợp tác thể hiện bị đơn có nghĩa vụ phải thu hồi tiền hàng và hoàn lại cho nguyên đơn theo thời gian quy định trên hóa đơn thanh toán. Bên cạnh đó, tại "Sổ chi tiết đơn vị mua" (Bút lục số 04) thể hiện nợ cuối kỳ của bị đơn từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/10/2020 là 16.642.289 đồng, có cơ sở để xác định đến ngày 30/10/2020 bị đơn mới đến hạn thanh toán cho nguyên đơn và thời gian bắt đầu tính lãi suất từ ngày 31/10/2020 chứ không phải ngày 01/10/2020 mà cấp sơ thẩm đã nhận định.

Như vậy, từ ngày 31/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/8/2024 là 45 tháng 19 ngày. Bị đơn có nghĩa vụ phải trả tổng số tiền lãi cho nguyên đơn như sau: 16.642.289 đồng x (1,1% /tháng x 45 tháng 19 ngày) = 8.353.874 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa lại thời gian tính lãi suất.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Do bị đơn đã rút yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Dành quyền khởi kiện cho bị đơn đối với ông Nguyễn Văn T thành một vụ kiện dân sự khác là có căn cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Hoàng M phải chịu án phí có giá ngạch đối với tổng số tiền 24.996.163 đồng x 5% = 1.249.808 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu, bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Hoàng M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng cộng 24.996.163 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi ba đồng) Trong đó nợ gốc tổng cộng là 16.642.289 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi là 8.353.874 đồng (Tám triệu ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Hoàng M: Về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Dành quyền khởi kiện cho Lê Hoàng M đối với ông Nguyễn Văn T thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Lê Hoàng M phải chịu 1.249.808 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh tám đồng) Được khấu trừ 570.000 đồng (Năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006807, ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Ông Lê Hoàng M còn phải nộp 679.808 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm linh tám đồng).

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A được nhận lại 570.000 đồng (Năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0006486, ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Bị đơn ông Lê Hoàng M được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007073, ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng